TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST Ngày: 30-7-2019 "V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chính

2. Ông Nông Hữu Dần

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:*** *Không tham gia phiên tòa*

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T - Sinh năm: 1983

Cư trú tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1976

Cư trú tại: Tổ B, khối M, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:***

Chị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04 tháng 02 năm 2016.

Vợ chồng chị T, anh H chung sống với nhau từ năm 2013, vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh

H không có trách nhiệm với gia đình, tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cải vã. Vợ chồng chị T và anh H đã làm thủ tục ly hôn và đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột công nhận thuận tình ly hôn vào cuối năm 2015. Sau khi ly hôn vì lo cho tương lai của con nên chị T và anh H đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn lại vào năm 2016. Nhưng từ khi về sống lại với nhau, anh H vẫn không thay đổi tính tình, thường xuyên gây gỗ, đánh đập chị T. Vào tháng 01/2018, chị T đã làm đơn xin ly hôn với anh H, khi biết chị T làm đơn anh H thường xuyên gặp và hứa sẽ thay đổi. Sau một thời gian suy nghĩ, chị T nhận thấy anh H tha thiết mong được hàn gắn tình cảm vợ chồng thì có lẽ anh H sẽ thay đổi để vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Bên cạnh đó, con cái cũng cần có sự chăm sóc của cha và mẹ nên chị T quyết định cho anh H cơ hội và đã làm đơn rút đơn khởi kiện. Ngày 14/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, Quyết định số 45/2018/QĐST-HNGĐ. Nhưng từ khi chị T rút đơn ly hôn thì anh H vẫn không thay đổi tính tình. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Văn H, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày: 10/5/2014 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/6/2016. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Ngọc Phương U và Nguyễn Hoàng N đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng chị T, anh H không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh, chị.

**** Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:***

Anh H và chị Lê Thị Thu T chung sống với nhau từ năm 2013. Đến năm 2016, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn và đã ra Tòa giải quyết ly hôn. Sau đó, anh H và chị T hòa thuận về sống lại với nhau cho đến nay thì xảy ra mâu thuẫn vì anh H có đánh chị T một bạt tai. Nay chị T làm đơn xin hôn với anh H thì anh H không đồng ý, vì lý do con cái còn quá nhỏ với mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Sau sự việc anh H sẽ cố gắng hết sức khắc phục, nguyện vọng của anh H là để vợ chồng chung sống với nhau để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh H, chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày: 10/5/2014 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/6/2016. Nếu chị T vẫn nhất quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh H là được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Ngọc Phương U và Nguyễn Hoàng N đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng chị T, anh H không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H và nguyện vọng chăm sóc nuôi con chung. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh H không đến Tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn H không đến tòa án làm việc. Do đó Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04 tháng 02 năm 2016. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Vợ chồng chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 2013, quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã được Tòa án giải quyết ly hôn. Đến năm 2016, chị T và anh H quay về chung sống với nhau nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H không chăm lo cho gia đình, gây gỗ, đánh đập chị T. Tháng 01/2018, chị T có nộp đơn xin ly hôn với anh H do anh H hứa sẽ sửa đổi nên chị T đã rút đơn về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra đến nay không còn khả năng hàn gắn nên chị T xin ly hôn với anh H. Anh H có nguyện vọng vợ chồng quay về chung sống với nhau để nuôi dạy con cái, Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ bằng nhiều phiên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng của chị T và anh H vẫn không duy trì được.

Hội đồng xét xử, xét thấy mục đích hôn nhân của chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu T.

- Về con chung: Vợ chồng chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày: 10/5/2014 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/6/2016. Khi ly hôn, chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cả hai cháu đều còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ và để đảm bảo sự phát triển

về thể chất và tinh thần của các cháu U và cháu N nên giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Phương U và Nguyễn Hoàng N cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Thu T. Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày: 10/5/2014 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 24/6/2016 đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Nguyễn Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung

Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Phạm Thị Bích C đã nộp thay chị Lê Thị Thu T tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0012264 ngày 16 tháng 4 năm 2019.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TA tỉnh ĐắkLắk ;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường T, TP.B
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My